TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 106/2023/HNGĐ-ST
Ngày:18-05-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tô Văn Đức
Bà Nguyễn Thị Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn An Ninh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tuyết - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 18 tháng 05 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 về việc "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2023/QĐXX-ST ngày 27/04/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lâm Thị C, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

- Người đại diện theo ủy quyền nhận các văn bản giấy tờ của chị Lâm Thị C: Chị Đào Thị N, sinh năm 1975

Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bị đơn: Anh Bùi Công Tuấn A, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Lâm Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Công Tuấn A kết hôn với nhau ngày 22/09/2017 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn, chị về gia đình

anh Tuấn A làm dâu ngay, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận. Năm 2019 chị làm thủ tục xuất khẩu lao động sang Đài Loan, từ khi sang vợ chồng rất ít liên lạc mỗi lần vợ chồng nói chuyện với nhau lại xẩy ra cãi nhau, không nói chuyện được với nhau. Hiện nay, chị và anh Tuấn A không còn liên lạc với nhau, chị và anh Tuấn A cũng đã ly thân từ lâu. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Tuấn A 02 bên gia đình đã hòa giải, nhưng không có kết quả. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Tuấn A. Chị đã xin nghỉ phép từ ngày 03/11/2022 về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn với anh Tuấn A đến ngày 27/11/2022 chị lại tiếp tục sang Đài Loan lao động.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017. Vợ chồng ly hôn, chị đề nghị giao cháu Thanh T cho anh Tuấn A nuôi dưỡng trong thời gian chị đang lao động ở Đài Loan. Về cấp dưỡng nuôi con, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra tại đơn đề nghị chị C trình bầy: Do chị đang lao động và cư trú tại Đài Loan từ năm 2019. Hiện chị về Việt Nam nghỉ phép thăm gia đình và làm thủ tục ly hôn với anh Bùi Công Tuấn A, sau đó lại sang Đài Loan lao động, do điều kiện ở xa, không thể về Việt Nam, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh Bùi Công Tuấn A không thể hòa giải được, nên chị đề nghị không mở phiên hòa giải giữa chị và anh Bùi Công Tuấn A. Chị xin vắng mặt trong tất cả các lần mở phiên tòa xét xử vụ án ly hôn giữa chị và anh Bùi Công Tuấn A, chị ủy quyền cho chị Đào Thị N, sinh năm 1975; địa chỉ: thôn M, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang nộp đơn khởi kiện, nộp tiền tạm ứng án phí và nhận các văn bản giấy tờ và có trách nhiệm thông báo lại cho chị.

Tại bản tự khai ngày 24/02/2023,bị đơn anh Bùi Công Tuấn A, trình bầy:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lâm Thị C kết hôn ngày 22/09/2017, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Trước khi kết hôn anh và chị C có được tự do tìm hiểu thỏa thuận, có được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi cưới chị C về gia đình anh làm dâu ngay. Đến năm 2019, chị C làm thủ tục sang Đài Loan lao động. Từ khi chị C sang Đài Loan, vợ chồng rất ít liên lạc, mỗi lần liên lạc vợ chồng lại xảy ra cãi vã nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, đã cắt đứt liên lạc với nhau. Chị C có đơn xin ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017. Vợ chồng ly hôn, anh đề nghị giao cháu Thanh T cho anh nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Lâm Thị C và anh Bùi Công Tuấn A đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử thông qua đơn khởi kiện, bản tự khai của chị C; bản tự khai của anh Bùi Công Tuấn A các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn chị C, bị đơn anh Bùi Công Tuấn A đều có đơn xin xét xử vắng mặt, chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Lâm Thị C được ly hôn anh Bùi Công Tuấn A.

Về con chung: Giao con chung là cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017 cho anh Bùi Công Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lâm Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn chị Lâm Thị C, bị đơn anh Bùi Công Tuấn A vắng mặt tại phiên tòa, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị C, anh Tuấn A.

[2]. Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lâm Thị C là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Bùi Công Tuấn A và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Anh Bùi Công Tuấn A, hiện đang ở địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. chị C hiện đang lao động ở nước ngoài về Việt Nam nghỉ phép từ ngày 03/11/2022 đến ngày 27/11/2022 để làm thủ tục ly hôn với anh Bùi Công Tuấn A. (Theo Công văn số: 3979/QLXNC-P5 ngày 28/02/2023 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp thì chị C đã xuất nhập cảnh 03 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 27/11/2022 hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước, địa chỉ cuối cùng của chị C ở Việt Nam là: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Như vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp nuôi con chung". Do vụ án có nguyên đơn là chị C ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị C và anh Bùi Công Tuấn A kết hôn ngày 22/09/2017 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh Tuấn A phát sinh mâu thuẫn. chị C đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Công Tuấn A.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lâm Thị C đối với anh Bùi Công Tuấn A. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị C và anh Tuấn A chung sống với nhau hạnh phúc một thời gian, đến năm 2019 chị C đi xuất khẩu lao động, cả chị C và anh Tuấn A đều trình bầy từ khi chị C đi nước ngoài vợ chồng anh, chị rất ít liên lạc, mỗi lần vợ chồng nói chuyện với nhau lại xẩy ra cãi nhau, không nói chuyện được với nhau. Đến nay, cả chị và anh Tuấn A không còn liên lạc với nhau, vợ chồng đã ly thân từ lâu. Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng không có kết quả. Chị C về Việt Nam nghỉ phép có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tuấn A, anh Tuấn A có bản tự khai trình bầy anh đồng ý ly hôn với chị C. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị C và anh Tuấn A đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C. Xử cho chị Lâm Thị C được ly hôn anh Bùi Công Tuấn A như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[4]. Về nuôi con chung: Vợ chồng chị C, anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017. Vợ chồng ly hôn, chị C đề nghị giao con chung cho anh Tuấn A nuôi dưỡng trong thời gian chị đang lao động ở nước ngoài

Xét yêu cầu của chị C về việc giao con chung Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017 cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy: Hiện nay chị C đang ở nước ngoài không thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, từ khi chị C đi lao động nước ngoài cháu T vẫn ở cùng anh Tuấn A và được anh Tuấn A chăm sóc, nuôi dưỡng, cháu phát triển bình thường. Mặt khác, anh Tuấn A trình bày anh đồng ý nuôi cháu T theo như ý kiến của chị C. Do vậy, yêu cầu của chị C là có căn cứ và phù hợp điều kiện thực tế cũng như quyền lợi về mọi mặt của con chung. Nên căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung là cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017 cho anh Tuấn A nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn chị Lâm Thị C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Trường hợp chị C về Việt Nam sinh sống, có nguyện vọng nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị C, anh Tuấn A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6]. Về tài sản, công nợ: chị C, anh Tuấn A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp án phí 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nhưng được trừ số tiền 300.000 đồng chị C đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.Xử Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị C.

1. Về hôn nhân: Chị Lâm Thị C được ly hôn với anh Bùi Công Tuấn A.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Bùi Lâm Thanh T, sinh ngày 23/8/2017 cho anh Bùi Công Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Chị Lâm Thị C có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị C thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Lâm Thị C phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí sơ thẩm tại Biên lai thu số 0000871 ngày 17/02/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị C đã nộp xong án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Lâm Thị C đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Bùi Công Tuấn A hiện đang ở Việt Nam vắng mặt tại phiên tòa, có thời hạn kháng cáo Bản án là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Hoàng Thị Thu Hiền